



## TRƯỜNG NHẬT NGỮ QUỐC TẾ KAICHI QUY CHẾ TUYỂN SINH

### Khái quát về khóa học

Trường Nhật ngữ quốc tế Kaichi đào tạo và phát triển năng lực tiếng Nhật thực tiễn, có thể sử dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau như cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong học tập và trong cả việc làm thêm.

Nhà trường sẽ thực hiện, áp dụng các đối sách, chiến lược cho các kỳ thi năng lực tiếng Nhật, các kỳ thi tuyển sinh dành cho du học sinh nhằm thăng tiến lên các trường chuyên môn và đại học.

Kỳ nhập học	Khóa học	Thời gian học	Cấp độ
Nhập học kỳ tháng 4	01 năm/02 năm	Từ Thứ 2 – Thứ 6 Sáng: Từ 9h00 ~ 12h15 Chiều: 13h30 ~ 16h45 (01 buổi học = 90 phút x 2 tiết học)	Sơ cấp 1/Sơ cấp 2 Trung cấp 1/Trung cấp 2 Thượng cấp 1/Thượng cấp 2
Nhập học kỳ tháng 10	01 năm 06 tháng	Từ Thứ 2 – Thứ 6 Sáng: Từ 9h00 ~ 12h15 Chiều: 13h30 ~ 16h45 (01 buổi học = 90 phút x 2 tiết học)	Sơ cấp 1/Sơ cấp 2 Trung cấp 1/ Trung cấp 2 Thượng cấp 1/Thượng cấp 2

\* Phân loại lớp dựa vào kết quả kiểm tra trình độ năng lực tiếng Nhật.

\* Tùy thuộc vào cấp độ, sẽ chia lớp học buổi sáng hoặc buổi chiều.

## Về việc nộp hồ sơ

### « Điều kiện ứng tuyển »

- ① Người đã kết thúc chương trình giáo dục hệ 12 năm ở nước ngoài.
- ② Tại thời điểm nộp hồ sơ đã học ít nhất 150 giờ học tiếng Nhật hoặc đã đạt chứng chỉ kỳ thi năng lực tiếng Nhật trình độ tương đương N5 trở lên.

### « Kỳ hạn tiếp nhận hồ sơ »

Kỳ nhập học	Kỳ hạn tiếp nhận hồ sơ
Nhập học kỳ tháng 4	Từ tháng 9 ~ tháng 11 năm trước
Nhập học kỳ tháng 10	Từ tháng 3 ~ tháng 5

### « Xét duyệt hồ sơ »

Để nhằm mục đích xác nhận năng lực, ý chí học tập và khả năng chi trả kinh phí, nhà trường sẽ tiến hành xét duyệt hồ sơ và tổ chức phỏng vấn.

Thời gian phỏng vấn: - Nhập học kỳ tháng 4: khoảng đầu tháng 11 năm trước.

- Nhập học kỳ tháng 10: khoảng cuối tháng 5.

## Các bước từ khi nộp hồ sơ đến khi nhập cảnh

①	Nộp hồ sơ đăng ký
②	Xét duyệt hồ sơ phỏng vấn
③	Xét duyệt hồ sơ Cục Quản lý xuất nhập cảnh Tokyo
④	Cục xuất nhập cảnh Tokyo cấp giấy chứng nhận tư cách lưu trú
⑤	Nộp học phí
⑥	Gửi giấy chứng nhận tư cách lưu trú và giấy nhập học
⑦	Cấp Visa tại cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước ngoài
⑧	Nhập học

\* Từ lúc nộp hồ sơ đến khi nhận được Visa cần khoảng 4 – 5 tháng

## Về những giấy tờ cần nộp

### « Các khoản cần chú ý »

- Về giấy tờ cần nộp, nộp những giấy tờ có thời hạn trong vòng 03 tháng trở lại đây.
- Đối với những hồ sơ không phải tiếng Nhật, toàn bộ phải đính kèm bản dịch sang tiếng Nhật.
- Theo nguyên tắc: những giấy tờ đã nộp sẽ không được hoàn trả lại (ngoại trừ bản gốc bằng tốt nghiệp và bản gốc học bạ).
- Trong trường hợp thí sinh đã đăng ký trong quá khứ, nhất định phải báo cáo trước cho nhà trường.
- Đối với những trường hợp có dấu hiệu làm giả hồ sơ sẽ bị đánh trượt hoặc bị hủy tư cách nhập học.

## **I. Những giấy tờ liên quan đến thí sinh**

### **① Đơn xin nhập học, sơ yếu lý lịch (theo mẫu quy định của trường)**

- Ngoại trừ chữ ký, xin vui lòng nhập bằng dữ liệu máy tính.

### **② Lý do du học (theo mẫu quy định của trường)**

- Ngoại trừ chữ ký, xin vui lòng nhập bằng dữ liệu máy tính.
- Hãy viết cụ thể, rõ ràng về mục đích học tập và định hướng tiếp theo sau khi tốt nghiệp tại trường.
- Trong trường hợp đã tốt nghiệp trường học cuối cùng quá 05 năm tại nước sở tại, phải ghi rõ ràng, cụ thể về mục lý lịch đã trải qua từ khi tốt nghiệp đến hiện tại, mục đích và sự cần thiết của việc học tiếng Nhật, định hướng tiếp theo sau khi tốt nghiệp tại trường.

### **③ Bản gốc bằng chứng nhận tốt nghiệp trường học cuối cùng**

- Trong trường hợp còn đang đi học đại học, cao đẳng tại nước sở tại hãy nộp giấy xác nhận đang đi học ở trường hiện tại.

### **④ Giấy chứng nhận đang đi làm**

- Đối với những thí sinh đã hoặc đang đi làm, cần nộp thêm giấy chứng nhận làm việc được cấp tại nơi đã hoặc đang làm việc.

### **⑤ Giấy chứng nhận năng lực tiếng Nhật**

- Nộp bản gốc giấy chứng nhận năng lực tiếng Nhật cấp độ tương đương N5 trở lên
- Trong trường hợp là giấy chứng nhận đã học tiếng Nhật trên 150 giờ được cấp bởi các trung tâm Nhật ngữ, phải ghi cụ thể thời gian và số giờ đã học, tỷ lệ đến lớp, nội dung học, tên khóa học, giáo trình sử dụng, trình độ sau khi kết thúc khóa học cuối cùng tại trung tâm

### **⑥ Ảnh chân dung: 05 cái (3x4cm)**

- Nộp ảnh được chụp trong vòng 03 tháng trở lại đây.

### **⑦ Bản photo hộ chiếu trang có dán hình và thông tin cá nhân**

- Trong trường hợp đã có lý lịch xuất nhập cảnh vào Nhật Bản, hãy nộp kèm tất cả các bản photo trong hộ chiếu ở các trang đã được đóng dấu xuất nhập cảnh vào Nhật Bản, bao gồm cả trong hộ chiếu cũ.

### **⑧ Giấy tờ chứng minh nhân thân**

- Nộp bản photo công chứng Giấy khai sinh, thẻ căn cước, sổ hộ khẩu, bản gốc giấy đăng ký cư trú.

### **⑨ Giấy tờ liên quan đến người thân đang cư trú tại Nhật**

- Trong trường hợp có người thân đang lưu trú tại Nhật Bản, cần nộp thêm thẻ lưu trú, giấy đăng ký lưu trú của người thân.

## **II. Những giấy tờ liên quan đến người bảo lãnh tài chính**

### **① Đơn xin bảo lãnh tài chính (theo mẫu quy định của nhà trường).**

- Ngoại trừ chữ ký, xin vui lòng nhập bằng dữ liệu máy tính.

### **② Bản gốc sổ dư tiền tiết kiệm ngân hàng (có thể sử dụng đơn vị tiền tệ nước ngoài)**

- Hãy nộp giấy chứng minh số tiền do cơ quan tài chính cấp.
- Số dư trong tài khoản quy đổi ra tiền Nhật > ¥ 2.000.000.

### **③ Giấy tờ chứng minh quá trình hình thành thu nhập**

- Nộp bản photo sổ tiết kiệm ngân hàng trong vòng 03 năm trở lại đây hoặc những tài liệu thể hiện quá trình hình thành số dư tiết kiệm ngân hàng.

### **④ Giấy chứng minh mối quan hệ với thí sinh**

- Nộp bản công chứng sổ hộ khẩu gia đình, đăng ký cư trú, giấy khai sinh.

## VỀ HỌC PHÍ

	Phí xét tuyển	Phí nhập học	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Tổng cộng
			Học phí	Học phí	
Khóa 01 năm (nhập học kỳ tháng 4)	¥ 5.000	¥ 30.000	¥ 650.000		¥ 685.000
Khóa 01 năm 06 tháng (nhập học kỳ tháng 10)	¥ 5.000	¥ 30.000	¥ 650.000	¥ 325.000	¥ 1.010.000
Khóa 02 năm (nhập học kỳ tháng 4)	¥ 5.000	¥ 30.000	¥ 650.000	¥ 650.000	¥ 1.335.000

\* Học phí bao gồm: Chi phí cho tiết học: ¥ 600.000, phí trang thiết bị: ¥ 10.000, phí tài liệu: ¥ 25.000, phí hoạt động ngoại khóa: ¥ 10.000, phí quản lý sức khỏe: ¥ 5.000 (năm thứ 2 của khóa 01 năm 06 tháng, mỗi khoản giảm một nửa phí).

\* Trong tất cả các khóa học, ngoài học phí trên nhà trường sẽ thu thêm một khoản tiền quỹ dự phòng (dùng trong các công việc như phí đăng ký, tài liệu bổ sung, thẻ sinh viên, phí sự kiện, mua bưu phẩm kỷ niệm tốt nghiệp...). Số dư sẽ được thanh toán và trả lại khi tốt nghiệp.

Cụ thể như sau:

Tiền quỹ khóa 01 năm: ¥ 80.000
Tiền quỹ khóa 01 năm 06 tháng: ¥ 105.000
Tiền quỹ khóa 02 năm: ¥ 130.000

\* Thí sinh có nguyện vọng dịch thuật các tài liệu đăng ký nhà trường sẽ đảm nhận với phí dịch thuật ¥ 20.000/1 thí sinh đăng ký.

### « Thời hạn nộp tiền »

- Khóa 01 năm: sau khi được cấp giấy chứng nhận tư cách lưu trú nộp kèm các khoản sau: phí xét tuyển, phí nhập học, học phí.
- Khóa 01 năm 06 tháng: sau khi được cấp giấy chứng nhận giấy lưu trú nộp kèm các khoản sau: phí xét tuyển, phí nhập học, học phí của năm thứ nhất, học phí của năm thứ hai, xin vui lòng hoàn thành vào tháng 9 của năm thứ 2.
- Khóa 02 năm: sau khi được cấp giấy chứng nhận giấy lưu trú nộp kèm các khoản sau: phí xét tuyển, phí nhập học, học phí của năm thứ nhất, học phí của năm thứ hai có thể chia thành 02 lần. Lần 1, nộp học phí của nửa kỳ hoặc cả năm học thứ 2 vào tháng 3 của năm học thứ 2, trước khi bước vào năm học thứ 2. Lần 2, nộp phần còn lại của học phí vào tháng 9.
- Đối với các sinh viên làm thêm ở các viện dưỡng lão có liên kết với trường, chúng tôi sẽ chấp nhận trả học phí chia thành 12 đợt (tương đương với 12 tháng). Tuy nhiên sau khi được cấp giấy chứng nhận tư cách lưu trú, thí sinh hãy nộp số tiền quỹ dự phòng là ¥ 165.000 bao gồm phí xét tuyển, phí nhập học, phí thiết bị cơ sở vật chất của năm thứ nhất, phí tài liệu, phí hoạt động ngoại khóa, phí quản lý sức khỏe.

Nếu thí sinh nghỉ việc tại viện dưỡng lão xin vui lòng thanh toán 01 lần hết học phí còn lại.

### « Phương thức nộp tiền »

- Chuyển khoản vào tài khoản chỉ định của nhà trường
- Khi chuyển tiền hãy sử dụng tên và mã số của thí sinh đăng ký
- Phí chuyển tiền do người đăng ký chịu trách nhiệm

## « Về hoàn trả lại học phí »

Trường hợp thí sinh không được Cục xuất nhập cảnh xét duyệt tư cách lưu trú hoặc từ chối nhập cảnh trước khi đóng học phí

→ Không được hoàn trả phí xét tuyển

Trường hợp thí sinh đã được nhận giấy chứng nhận tư cách lưu trú từ cục xuất nhập cảnh, đã hoàn thành học phí nhưng không được xét duyệt visa của Đại sứ quán – Lãnh sự quán Nhật Bản ở nước sở tại.

→ Không được hoàn trả phí xét tuyển và phí nhập học. Sau khi xác nhận thí sinh không được cấp visa du học, nhà trường sẽ hoàn trả học phí cho thí sinh.

Trường hợp thí sinh đã được nhận giấy chứng nhận tư cách lưu trú, đã hoàn thành học phí nhưng từ chối nhập học trước khi nhập cảnh vào Nhật Bản.

→ Không được hoàn trả phí xét tuyển và phí nhập học. Sau khi xác nhận thí sinh đã nộp đơn lý do xin từ chối nhập học và hoàn trả lại giấy phép nhập học, giấy chứng nhận tư cách lưu trú, nhà trường sẽ hoàn trả lại học phí cho thí sinh.

Trường hợp bỏ học giữa chừng trước khi tốt nghiệp ở tất cả các khóa học (cũng như không nhập học sau khi đã nhập cảnh vào Nhật Bản).

→ Không được hoàn trả phí xét tuyển, phí nhập học và học phí của học kỳ đang theo học. Trường hợp học viên nộp đơn xin thôi học trước ngày kết thúc học kỳ, sau khi xác nhận việc học viên về nước hoặc thay đổi tư cách lưu trú hiện tại, nhà trường sẽ hoàn trả lại học phí của học kỳ tiếp theo.

Trường hợp học viên bị xét xử về nước do vi phạm pháp luật hoặc quy tắc của nhà trường, sẽ không được hoàn trả lại học phí.

Trường hợp nhập học muộn do nhập cảnh vào Nhật Bản muộn, học phí của những buổi học chưa tham dự sẽ không được hoàn trả lại.



**« Các khoản phí cơ bản khi lưu trú ở Nhật (trong 01 năm) »**

Học phí	¥ 765.000 (bao gồm cả tiền quỹ)
Tiền ký túc xá	[tiền đặt cọc]: ¥ 50.000 + [tiền phòng]: ¥ 216.000 ~ ¥ 228.000
Tiền điện, nước, gas	¥ 100.800
Các khoản khác	[tiền ăn]: khoảng ¥ 300.000 + [tiền điện thoại]: khoảng ¥ 50.000
Tổng cộng	Khoảng ¥ 1.500.000

**« Về ký túc xá của du học sinh »**

Tên ký túc xá	Gakusei Rejidensu Nishihachioji
Kiểu phòng	Phòng dành cho 1 người hoặc 2 người (không kèm bữa ăn)
Địa chỉ	Paredoru Nishi-Hachioji 4-44-13 Daimachi Hachioji-shi Tokyo, 193-0931, JAPAN Tầng 3: Nam/Tầng 4: Nữ
Ga gần nhất	JR Chuyển Chuo line ga Nishi Hachioji
<b>◆ Lệ phí</b>	
Tiền đặt cọc	Nhà trường sẽ hoàn trả lại số dư sau khi đã trừ phí dọn dẹp và tu sửa cần thiết để khôi phục lại hiện trạng ban đầu. * Trong trường hợp bị hư hỏng hoặc vết bẩn nặng nề, có thể phải trả thêm khoản phí riêng.
Tiền phòng	« Trong trường hợp ở 1 người » [Size S]: ¥ 30.000/tháng [Size M/L]: ¥ 32.000/tháng « Trong trường hợp ở 2 người » [Size S] (1 người): ¥ 18.000/tháng [Size M/L] (1 người): ¥ 19.000/tháng
Tiền điện, nước, gas	« Trong trường hợp ở 1 người » ¥ 12.000/tháng « Trong trường hợp ở 2 người » (1 người): ¥ 9.000/tháng * Trong trường hợp sử dụng nhiều, có thể phải trả thêm tiền phí

Internet	Bao gồm cả trong tiền phòng (Wifi)
◆ Trang thiết bị	
Diện tích phòng	[Size S]: 14,56 m <sup>2</sup> [Size M]: 16,12 m <sup>2</sup> [Size L]: 17,68 m <sup>2</sup>
Thiết bị trong phòng	Nhà tắm có bồn kết hợp với nhà vệ sinh, khu bếp nhỏ, điều hòa, giường, tủ lạnh.
Thiết bị sử dụng chung	Máy giặt, máy sấy quần áo

< **Ghi chú** >: 06 tháng đầu sau khi nhập học xin vui lòng ở trong ký túc xá. Phí ký túc xá sẽ có thể thay đổi.